CÔNG THÚC TÍNH NHANH SỐ MOL HNO3 PHẢN ỨNG

Dạng toán cho kim loại, oxit kim loại phản ứng với HNO₃ là bài tập đặc trưng liên quan đến các quá trình oxi hóa - khử. Các dạng bài tập này thường tính toán khá phức tạp và dễ nhầm lẫn nếu chưa thành thạo. Một số công thức tính số mol HNO₃ dưới đây sẽ giúp các em giải nhanh và chính xác dạng bài tập này.

1. Công thức tính nhanh số mol HNO3 phản ứng

- Trong phản ứng giữa kim loại với dung dịch HNO_3 tạo thành muối nitrat, nước và các sản phẩm khử $(NO_2, NO, N_2O, N_2, NH_4NO_3)$

Số mol HNO₃ cần dùng:

$$n_{HNO_3} = (s \acute{o} e trao \, d \acute{o} i + s \acute{o} \, nguyên tử \, N trong sản phẩm khử). $n_{s \acute{a} n \, ph \acute{a} m \, kh \mathring{u}}$$$

$$\rightarrow$$
 $n_{HNO_3} = 2n_{NO_2} + 4n_{NO} + 10n_{N_2O} + 12n_{N_2} + 10n_{NH_4NO_3}$

- Hỗn hợp cả kim loại và oxit kim loại phản ứng với HNO₃ thì:

$$n_{\text{HNO}_3} = 2n_{\text{NO}_2} + 4n_{\text{NO}} + 10n_{\text{N}_2\text{O}} + 12n_{\text{N}_2} + 10n_{\text{NH}_4\text{NO}_3} + 2n_{\text{O (trong oxit kim loại)}}$$

Chú ý: Sản phẩm khử nào không có thì số mol bằng 0.

Ví dụ: Cho hỗn hợp Al, Fe vào dung dịch HNO3 loãng, dư thu được 6,72 lít NO (là sản phẩm

khử duy nhất của No đktc). Số mol axit đã phản ứng là

A. 0,3 mol.

B. 0,6 mol.

C. 1,2 mol.

D. 2,4 mol.

Hướng dẫn giải:

 $n_{NO} = 0,3 \text{ mol}$

$$n_{HNO_3} = 4.n_{NO} = 4.0,3 = 1,2 \text{ mol}$$

 \rightarrow Chọn C

2. Bạn nên biết

Sử dụng định luật bảo toàn electron tính nhanh các quá trình oxi hóa – khử:

$$\sum \; n_{e\; nhu\grave{o}ng} = \sum \; n_{e\; nh\hat{a}n}$$

$$ightarrow$$
 \sum $(n_{Kl}$. Hóa trị) = \sum $(Số e nhận . n_{sản phẩm khử})$

Nếu là hỗn hợp kim loại và oxit kim loại:

$$\sum \; (n_{Kl} \; . \; H\acute{o}a \; tr \dot{!}) = 2.n_{O \; (trong \; oxit \; kim \; loại)} + \sum \; (S\acute{o} \; e \; nhận \; . \; n_{sản \; phẩm \; khử})$$

Trong đó sản phẩm khử thường là các khí hoặc muối NH₄+

Khí (NH ₄ ⁺)	NO ₂	NO	N ₂ O	N_2	NH ₄ ⁺
Số e nhận	1	3	8	10	8

3. Kiến thức mở rộng

- Một số kim loại (Fe, Al, Cr,...) thụ động trong axit HNO $_3$ đặc nguội.
- Kim loại Fe tác dụng với HNO₃ dư luôn lên mức oxi hóa cao nhất Fe.

- Trong phản ứng của kim loại Mg, Al, Zn với dung dịch HNO₃ loãng, ngoài những sản phẩm khử là khí thì dung dịch còn có thể có sản phẩm khử khác là muối NH₄NO₃.

4. Bài tập minh họa

Câu 1: Hòa tan hết m gam hỗn hợp Mg, Al và Cu bằng dung dịch chứa x mol HNO₃ (vừa đủ) thu được 3,36 lít N₂O (là sản phẩm khử duy nhất, đktc). Giá trị của x là

- **A.** 1,0.
- **B.** 1,5.
- **C.** 1,8.
- **D.** 1,2.

Hướng dẫn giải:

$$n_{N_2O} = 0.15 \text{ mol}$$

$$n_{HNO_3} = 10$$
. $n_{N_2O} = 1,5 \text{ mol}$

$$\rightarrow$$
 x = 1.5

\rightarrow Chọn B

Câu 3: Thể tích dung dịch HNO₃ 1M (loãng) ít nhất cần dùng để hoà tan hoàn toàn một hỗn hợp gồm 0,15 mol Fe và 0,15 mol Cu là (biết phản ứng tạo chất khử duy nhất là NO)

- **A.** 1,2 lít.
- **B.** 0,6 lít.
- C. 0,8 lít.
- **D.** 1,0 lít.

Hướng dẫn giải:

Áp dụng định luật bảo toàn electron

$$\sum \; (n_{Kl} \; . \; H\acute{o}a \; tr \dot{i}) = \sum \; (S\acute{\hat{o}} \; e \; nh \hat{a}n \; . \; n_{s \acute{a}n \; ph \acute{a}m \; kh \acute{u}})$$

$$3.n_{\text{Fe}} + 2.n_{\text{Cu}} = 3.n_{\text{NO}}$$

$$\rightarrow$$
 3.0,15 + 2.0,15 = 3. n_{NO}

$$\rightarrow$$
 n_{NO} = 0,25 mol

$$n_{HNO_3} = 4$$
. $n_{NO} = 4.0,25 = 1 \text{ mol}$

$$\rightarrow V_{\text{HNO}_3} = 1 \text{ lít}$$

\rightarrow Chọn D

Ví dụ 2: Hòa tan hoàn toàn 14,58 gam Al trong dung dịch HNO_3 loãng, đun nóng thì có 2,0 mol HNO_3 , đã phản ứng, đồng thời có V lít khí N_2 thoát ra (đktc). Giá trị của V là

- **A.** 2,24
- **B.** 2,80
- **C.** 1,12
- **D.** 1,68

Lời giải

 $n_{Al} = 0,54 \text{ mol}$

Giả sử sau phản ứng có tạo thành muối NH₄NO₃

Áp dụng định luật bảo toàn electron:

$$\rightarrow 3n_{Al} = 10n_{NH_4NO_3} + 8n_{N_2} = 1,62 (1)$$

Lại có:
$$n_{HNO_3} = 12 n_{NH_4NO_3} + 10 n_{N_2} = 2 (2)$$

Giải hệ (1) và (2)
$$\rightarrow$$
 $n_{N_2} = 0.05$ mol

$$\rightarrow$$
 $V_{N_2} = 1,12$ lít

$$\rightarrow$$
 Chọn C